

**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7/1  
NĂM HỌC 2023-2024**

| STT | Lớp 6 | Lớp 7 | Họ tên                 | Nữ | Ghi chú |
|-----|-------|-------|------------------------|----|---------|
| 1   | 6/1   | 7/1   | Bùi Lê Quỳnh Anh       | x  |         |
| 2   | 6/1   | 7/1   | Phan Nguyễn Quỳnh Anh  | x  |         |
| 3   | 6/1   | 7/1   | Lê Đình Gia Bảo        |    |         |
| 4   | 6/1   | 7/1   | Võ Lê Gia Bảo          |    |         |
| 5   | 6/1   | 7/1   | Nguyễn Hoàng Phúc Điền |    |         |
| 6   | 6/1   | 7/1   | Nguyễn Minh Đức        |    |         |
| 7   | 6/1   | 7/1   | Nguyễn Thị Quỳnh Giang | x  |         |
| 8   | 6/1   | 7/1   | Đặng Nguyễn Bảo Hân    | x  |         |
| 9   | 6/1   | 7/1   | Nguyễn Hải Hòa         | x  |         |
| 10  | 6/1   | 7/1   | Trần Lê Anh Khoa       |    |         |
| 11  | 6/1   | 7/1   | Đinh Võ Nhật Linh      | x  |         |
| 12  | 6/1   | 7/1   | Hoàng Mộc Tuyết Nhi    | x  |         |
| 13  | 6/1   | 7/1   | Lê Hồ Quỳnh Như        | x  |         |
| 14  | 6/1   | 7/1   | Huỳnh Hữu Phong        |    |         |
| 15  | 6/1   | 7/1   | Đỗ Kiên Quân           |    |         |
| 16  | 6/1   | 7/1   | Đỗ Minh Quân           |    |         |
| 17  | 6/1   | 7/1   | Nguyễn Ngọc Đỗ Quyên   | x  |         |
| 18  | 6/1   | 7/1   | Đỗ Nguyễn Ngọc Quỳnh   | x  |         |
| 19  | 6/1   | 7/1   | Lê Dương Yên Trang     | x  |         |
| 20  | 6/1   | 7/1   | Lê Minh Triết          |    |         |
| 21  | 6/1   | 7/1   | Trương Phi Trường      |    |         |
| 22  | 6/1   | 7/1   | Phạm Ngọc An Nhiên     | x  |         |
| 23  | 6/2   | 7/1   | Nguyễn Nhật Quỳnh Anh  | x  |         |
| 24  | 6/2   | 7/1   | Trần Huỳnh Đức Anh     |    |         |
| 25  | 6/2   | 7/1   | Lê Thái Bảo            |    |         |
| 26  | 6/2   | 7/1   | Phan Lâm Thái Bảo      |    |         |
| 27  | 6/2   | 7/1   | Tăng Gia Bảo           |    |         |
| 28  | 6/2   | 7/1   | Lâm Gia Cát            |    |         |
| 29  | 6/2   | 7/1   | Phạm Minh Dũng         |    |         |
| 30  | 6/2   | 7/1   | Trần Tiên Đạt          |    |         |
| 31  | 6/2   | 7/1   | Ngô Hoàng Thái Hà      | x  |         |
| 32  | 6/2   | 7/1   | Phạm Gia Bảo Hân       | x  |         |
| 33  | 6/2   | 7/1   | Lê Quang Khang         |    |         |
| 34  | 6/2   | 7/1   | Nguyễn Anh Khuê        | x  |         |
| 35  | 6/2   | 7/1   | Tổng Thanh Trà My      | x  |         |
| 36  | 6/2   | 7/1   | Lương Xuân Minh Nghĩa  |    |         |
| 37  | 6/2   | 7/1   | Nguyễn Ngọc Minh Nhiên | x  |         |
| 38  | 6/2   | 7/1   | Đỗ Nguyễn Hồng Nhung   | x  |         |
| 39  | 6/2   | 7/1   | Lê Trần Hồng Nhung     | x  |         |
| 40  | 6/2   | 7/1   | Nguyễn Đình Phong      |    |         |
| 41  | 6/2   | 7/1   | Đinh Ngọc Uyên Phương  | x  |         |
| 42  | 6/2   | 7/1   | Trần Mỹ Tâm            | x  |         |
| 43  | 6/2   | 7/1   | Lý Hồng Tú             | x  |         |
| 44  | 6/2   | 7/1   | Nguyễn Quỳnh Vy        | Nữ |         |



Tân Bình, ngày 8 tháng 8 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

Lưu Thị Kim Thúy

**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7/2  
NĂM HỌC 2023-2024**

| STT | Lớp 6 | Lớp 7 | Họ tên                 | Nữ | Ghi chú |
|-----|-------|-------|------------------------|----|---------|
| 1   | 6/3   | 7/2   | Dương Ngọc Quỳnh Anh   | x  |         |
| 2   | 6/3   | 7/2   | Nguyễn Hoàng Lam Anh   | x  |         |
| 3   | 6/3   | 7/2   | Vũ Việt Anh            |    |         |
| 4   | 6/3   | 7/2   | Hồ Quốc Bảo            |    |         |
| 5   | 6/3   | 7/2   | Võ Ngọc Phương Châu    | x  |         |
| 6   | 6/3   | 7/2   | Nguyễn Lương Yên Chi   | x  |         |
| 7   | 6/3   | 7/2   | Nguyễn Khánh Duy       |    |         |
| 8   | 6/3   | 7/2   | Trần Thị Thùy Dương    | x  |         |
| 9   | 6/3   | 7/2   | Nguyễn Phú Đức         |    |         |
| 10  | 6/3   | 7/2   | Phan Hoàng Gia         |    |         |
| 11  | 6/3   | 7/2   | Trần Thị Mỹ Hạnh       | x  |         |
| 12  | 6/3   | 7/2   | Nguyễn Gia Hào         |    |         |
| 13  | 6/3   | 7/2   | Nguyễn Quốc Huy        |    |         |
| 14  | 6/3   | 7/2   | Lương Huy Khang        |    |         |
| 15  | 6/3   | 7/2   | Trần Hồ Yên Khanh      | x  |         |
| 16  | 6/3   | 7/2   | Nguyễn Huỳnh Minh Khôi |    |         |
| 17  | 6/3   | 7/2   | Vũ Trung Kiên          |    |         |
| 18  | 6/3   | 7/2   | Nguyễn Hoàng Thiên Kim | x  |         |
| 19  | 6/3   | 7/2   | Sơn Hoàng Thị Liễu     | x  |         |
| 20  | 6/3   | 7/2   | Nguyễn Trần Gia Long   |    |         |
| 21  | 6/3   | 7/2   | Vũ Hoàng Long          |    |         |
| 22  | 6/3   | 7/2   | Huỳnh Hồng Tuyết Mai   | x  |         |
| 23  | 6/3   | 7/2   | Đoàn Châu Hoàng My     | x  |         |
| 24  | 6/3   | 7/2   | Lê Hồ Diễm My          | x  |         |
| 25  | 6/3   | 7/2   | Phạm Bảo Nghi          | x  |         |
| 26  | 6/3   | 7/2   | Hoàng Gia Nghĩa        |    |         |
| 27  | 6/3   | 7/2   | Thạch Ngọc Nhi         | x  |         |
| 28  | 6/3   | 7/2   | Trương Gia Phúc        |    |         |
| 29  | 6/3   | 7/2   | Nhan Hữu Phước         |    |         |
| 30  | 6/3   | 7/2   | Nguyễn Đình Quang      |    |         |
| 31  | 6/3   | 7/2   | Thân Thiên Thu Thảo    | x  |         |
| 32  | 6/3   | 7/2   | Phan Ngọc Hoàng Thắng  |    |         |
| 33  | 6/3   | 7/2   | Võ Phạm Huyền Trang    | x  |         |
| 34  | 6/3   | 7/2   | Trần Thanh Tú          |    |         |
| 35  | 6/3   | 7/2   | Nguyễn Hoàng Anh Tuấn  |    |         |
| 36  | 6/3   | 7/2   | Đình Thế Vinh          |    |         |
| 37  | 6/3   | 7/2   | Văn Quang Vinh         |    |         |
| 38  | 6/3   | 7/2   | Đình Gia Vy            | x  |         |
| 39  | 6/2   | 7/2   | Vũ Đỗ Khánh Vi         | x  |         |

Tân Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lưu Thị Kim Thúy**

**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7/3  
NĂM HỌC 2023-2024**

| STT | Lớp 6 | Lớp 7 | Họ tên                 | Nữ | Ghi chú |
|-----|-------|-------|------------------------|----|---------|
| 1   | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Như Quốc Anh    |    |         |
| 2   | 6/4   | 7/3   | Phan Trần Thiên Ân     | x  |         |
| 3   | 6/4   | 7/3   | Võ Nguyễn Gia Bảo      |    |         |
| 4   | 6/4   | 7/3   | Tsân Tuyết Dinh        | x  |         |
| 5   | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Hải Đình Đạt    |    |         |
| 6   | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Nguyên Đức      |    |         |
| 7   | 6/4   | 7/3   | Phạm Nguyễn Hồng Hạnh  | x  |         |
| 8   | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Bảo Hân         | x  |         |
| 9   | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Văn Khải Hòa    |    |         |
| 10  | 6/4   | 7/3   | Bùi Thế Huy            |    |         |
| 11  | 6/4   | 7/3   | Lý Gia Huy             |    |         |
| 12  | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Phúc An Khang   |    |         |
| 13  | 6/4   | 7/3   | Huỳnh Anh Khoa         |    |         |
| 14  | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Võ Đăng Khôi    |    |         |
| 15  | 7/4   | 7/3   | Đoàn Anh Kiệt          |    |         |
| 16  | 6/4   | 7/3   | Huỳnh Trần Gia Kiệt    |    |         |
| 17  | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Hoàng Tiến Minh |    |         |
| 18  | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Quốc Minh       |    |         |
| 19  | 6/4   | 7/3   | Trần Nhật Nam          |    |         |
| 20  | 6/4   | 7/3   | Trịnh Hải Nam          |    |         |
| 21  | 6/4   | 7/3   | Võ Thị Thanh Ngân      | x  |         |
| 22  | 6/4   | 7/3   | Hoàng Ngọc Chương Nghi | x  |         |
| 23  | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Lê Như Ngọc     | x  |         |
| 24  | 6/4   | 7/3   | Đặng Thành Nhân        |    |         |
| 25  | 6/4   | 7/3   | Trần Nguyễn Yến Nhung  | x  |         |
| 26  | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Ngọc Khánh Như  | x  |         |
| 27  | 6/4   | 7/3   | Huỳnh Hoa Kiều Oanh    | x  |         |
| 28  | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Hải Đình Phát   |    |         |
| 29  | 6/4   | 7/3   | Phương Hoàng Phú       |    |         |
| 30  | 6/4   | 7/3   | Lê Xuân Thiên Phúc     |    |         |
| 31  | 6/4   | 7/3   | Võ Lê Diễm Phương      | x  |         |
| 32  | 6/4   | 7/3   | Tô Minh Quân           |    |         |
| 33  | 6/4   | 7/3   | Võ Thành Tài           |    |         |
| 34  | 6/4   | 7/3   | Trần Nguyễn Thu Thủy   | x  |         |
| 35  | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Lê Hiền Thư     | x  |         |
| 36  | 6/4   | 7/3   | Đoàn Thị Đoàn Trang    | x  |         |
| 37  | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Hữu Thiên Trang | x  |         |
| 38  | 6/4   | 7/3   | Trần Hoàng Khả Tú      | x  |         |
| 39  | 6/4   | 7/3   | Trần Bùi Gia Tường     |    |         |
| 40  | 6/4   | 7/3   | Lý Thị Hồng Xuân       | x  |         |
| 41  | 6/4   | 7/3   | Nguyễn Thị Như Ý       | x  |         |

Tân Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2023  
**HIỆU TRƯỞNG**  
TRẦN VĂN QUANG  
QUẬN TÂN BÌNH  
Lưu Thị Kim Thủy

**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.4**  
**NĂM HỌC 2023-2024**

| STT | Lớp 6 | Lớp 7 | Họ tên                 | Nữ | Ghi chú |
|-----|-------|-------|------------------------|----|---------|
| 1   | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Huỳnh Phúc An   |    |         |
| 2   | 6/5   | 7/4   | Bùi Võ Quỳnh Anh       | x  |         |
| 3   | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Phương Hà Anh   | x  |         |
| 4   | 6/5   | 7/4   | Võ Minh Thiên Ân       |    |         |
| 5   | 6/5   | 7/4   | Võ Khoa Danh           |    |         |
| 6   | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Minh Đăng       |    |         |
| 7   | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Ngọc Gia Hân    | x  |         |
| 8   | 6/5   | 7/4   | Trần Lê Tuấn Kiệt      |    |         |
| 9   | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Đình Minh Khang |    |         |
| 10  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Tường Nghi      | x  |         |
| 11  | 6/5   | 7/4   | Hà Bảo Ngọc            | x  |         |
| 12  | 6/5   | 7/4   | Huỳnh Hồng Tâm Ngọc    | x  |         |
| 13  | 6/5   | 7/4   | Huỳnh Đại Phát         |    |         |
| 14  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Tấn Phát        |    |         |
| 15  | 6/5   | 7/4   | Vương Đức Phát         |    |         |
| 16  | 6/5   | 7/4   | Lê Tấn Phú             |    |         |
| 17  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Trần Vinh Quang |    |         |
| 18  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Nhật Quỳnh      | x  |         |
| 19  | 6/5   | 7/4   | Quách Thành Tài        |    |         |
| 20  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Thanh Tâm       | x  |         |
| 21  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Hữu Tín         |    |         |
| 22  | 6/5   | 7/4   | Ngô Quý Nguyệt Thanh   | x  |         |
| 23  | 6/5   | 7/4   | Kim Minh Thư           | x  |         |
| 24  | 6/5   | 7/4   | Mai Kim Thư            | x  |         |
| 25  | 6/5   | 7/4   | Hồ Bảo Thy             | x  |         |
| 26  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Lê Quốc Anh     |    |         |
| 27  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Phạm Quỳnh Anh  | x  |         |
| 28  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Thế Đạt         |    |         |
| 29  | 6/5   | 7/4   | Hồ Văn Minh Đức        |    |         |
| 30  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Tôn Hà My       | x  |         |
| 31  | 6/5   | 7/4   | Lê Hà My               | x  |         |
| 32  | 6/5   | 7/4   | Phạm Tường Nguyên      |    |         |
| 33  | 6/5   | 7/4   | Phạm Thùy Như Quỳnh    | x  |         |
| 34  | 6/5   | 7/4   | Phùng Thị Như Quỳnh    | x  |         |
| 35  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Hoài Mỹ Tiên    | x  |         |
| 36  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Phương Thảo     | x  |         |
| 37  | 6/5   | 7/4   | Nguyễn Phước Thắng     |    |         |
| 38  | 6/5   | 7/4   | Lý Chí Thiện           |    |         |
| 39  | 7/5   | 7/4   | Nguyễn Văn Thịnh       |    |         |
| 40  | 6/5   | 7/4   | Lê Minh Thư            | x  |         |

Tân Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**  
TRẦN VĂN QUANG  
QUẬN TÂN BÌNH

Lưu Thị Kim Thủy

**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7/5**  
**NĂM HỌC 2023-2024**

| STT | Lớp 6 | Lớp 7 | Họ tên                 | Nữ | Ghi chú |
|-----|-------|-------|------------------------|----|---------|
| 1   | 6/6   | 7/5   | Huỳnh Lan Anh          | x  |         |
| 2   | 6/6   | 7/5   | Nguyễn Tuấn Anh        |    |         |
| 3   | 6/6   | 7/5   | Lê Hoàng Phúc Ân       |    |         |
| 4   | 6/6   | 7/5   | Trần Quang Bảo         |    |         |
| 5   | 6/6   | 7/5   | Phạm Hữu Bình          |    |         |
| 6   | 6/6   | 7/5   | Hoàng Danh             |    |         |
| 7   | 6/6   | 7/5   | Bùi Ngô Bảo Duy        |    |         |
| 8   | 6/6   | 7/5   | Đặng Khang Đức         |    |         |
| 9   | 6/6   | 7/5   | Trịnh Bảo Gia          |    |         |
| 10  | 6/6   | 7/5   | Lý Gia Huy             |    |         |
| 11  | 6/6   | 7/5   | Phan Tiến Huy          |    |         |
| 12  | 6/6   | 7/5   | Lê Đoàn Khánh Hưng     |    |         |
| 13  | 6/6   | 7/5   | Hồng Đức Khang         |    |         |
| 14  | 6/6   | 7/5   | Trần Phạm Gia Khang    |    |         |
| 15  | 6/6   | 7/5   | Phạm Anh Khoa          |    |         |
| 16  | 6/6   | 7/5   | Phạm Nguyễn Thiên Kim  | x  |         |
| 17  | 6/6   | 7/5   | Nguyễn Ngọc Khánh Linh | x  |         |
| 18  | 6/6   | 7/5   | Phan Ngọc Khánh Linh   | x  |         |
| 19  | 6/6   | 7/5   | Trương Thị Mỹ Linh     | x  |         |
| 20  | 6/6   | 7/5   | Võ Hoàng Long          |    |         |
| 21  | 6/6   | 7/5   | Bùi Nguyễn Khánh My    | x  |         |
| 22  | 6/6   | 7/5   | Trần Thị Hồng Ngọc     | x  |         |
| 23  | 6/6   | 7/5   | Nguyễn Võ Thanh Nhã    | x  |         |
| 24  | 6/6   | 7/5   | Phan Trọng Phương      |    |         |
| 25  | 6/6   | 7/5   | Lê Phước Quang         |    |         |
| 26  | 6/6   | 7/5   | Nguyễn Thanh Tài       |    |         |
| 27  | 6/6   | 7/5   | Văn Cẩm Tài            |    |         |
| 28  | 6/6   | 7/5   | Võ Phúc Anh Thư        | x  |         |
| 29  | 6/6   | 7/5   | Nguyễn Ngọc Thiện      |    |         |
| 30  | 6/6   | 7/5   | Phùng Xương Thịnh      |    |         |
| 31  | 6/6   | 7/5   | Hoàng Văn Minh Thuận   |    |         |
| 32  | 6/6   | 7/5   | Phạm Lê Quỳnh Thy      | x  |         |
| 33  | 6/6   | 7/5   | Lữ Thiện Tín           |    |         |
| 34  | 6/6   | 7/5   | Nguyễn Phước Toàn      |    |         |
| 35  | 6/6   | 7/5   | Đặng Trần Nhã Uyên     | x  |         |
| 36  | 6/6   | 7/5   | Liêu Yến Vi            | x  |         |
| 37  | 6/6   | 7/5   | Hong Tường Vy          | x  |         |
| 38  | 6/6   | 7/5   | Đoàn Như Ý             | x  |         |
| 39  | 6/6   | 7/5   | Huỳnh Đoàn Như Ý       | x  |         |
| 40  | 6/6   | 7/5   | Nguyễn Hoàng Như Ý     | Nữ |         |

Tân Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**HIỆP TRƯỞNG**

**Lưu Thị Kim Thúy**

**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.6**  
**NĂM HỌC 2023-2024**

| STT |     | Mã lớp | Họ tên                      | Nữ | Ghi chú |
|-----|-----|--------|-----------------------------|----|---------|
| 1   | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Hoàng Trang Anh      | x  |         |
| 2   | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Nguyệt Ánh           | x  |         |
| 3   | 6/7 | 7/6    | Lê Quang Bảo                |    |         |
| 4   | 6/7 | 7/6    | Trần An Bình                | x  |         |
| 5   | 6/7 | 7/6    | Phạm Trần Thùy Dung         | x  |         |
| 6   | 6/7 | 7/6    | Trần Quang Định             |    |         |
| 7   | 6/7 | 7/6    | Lê Ngọc Hà                  | x  |         |
| 8   | 6/7 | 7/6    | Lê Nguyễn Gia Hân           | x  |         |
| 9   | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Bùi Bảo Hân          | x  |         |
| 10  | 6/7 | 7/6    | Lương Minh Kiên             |    |         |
| 11  | 6/7 | 7/6    | Tạ Nguyễn Minh Khôi         |    |         |
| 12  | 6/7 | 7/6    | Võ Dương Nhật Nam           |    |         |
| 13  | 6/7 | 7/6    | Trần Đỗ Gia Nghi            | x  |         |
| 14  | 6/7 | 7/6    | Dương Bạch Như Ngọc         | x  |         |
| 15  | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Vĩnh Phúc            |    |         |
| 16  | 6A5 | 7/6    | Bùi Tổng Đông Quân          |    |         |
| 17  | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Trần Minh Tiến       |    |         |
| 18  | 6/7 | 7/6    | Lê Ngọc Khải Toàn           |    |         |
| 19  | 6/7 | 7/6    | Trịnh Anh Tuấn              |    |         |
| 20  | 6/7 | 7/6    | Đặng Hoàng Minh Thư         | x  |         |
| 21  | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Trần Anh Thư         | x  |         |
| 22  | 6/7 | 7/6    | Dương Quỳnh Thy             | x  |         |
| 23  | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Ngọc Bảo Trân        | x  |         |
| 24  | 6/7 | 7/6    | Lê Như Ý                    | x  |         |
| 25  | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Trương Như Ý         | x  |         |
| 26  | 6/7 | 7/6    | Thiều Minh Anh              | x  |         |
| 27  | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Thành Danh           |    |         |
| 28  | 6/7 | 7/6    | Lê Minh Hiếu                |    |         |
| 29  | 6/7 | 7/6    | Lý Minh Hương               | x  |         |
| 30  | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Đình Anh Khôi        |    |         |
| 31  | 6/3 | 7/6    | Nguyễn Ngọc Hoàng Ngân      | x  |         |
| 32  | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Thục Hạo Nhiên       | x  |         |
| 33  | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Châu Xuân Thịnh Phát |    |         |
| 34  | 6/7 | 7/6    | Lê Thị Kim Tuyền            | x  |         |
| 35  | 6/7 | 7/6    | Bùi Hoàng Tá Thiện          |    |         |
| 36  | 6/7 | 7/6    | Lại Phú Trọng               |    |         |
| 37  | 6/7 | 7/6    | Nguyễn Thanh Trúc           | x  |         |
| 38  | 6/3 | 7/6    | Phạm Hoàng Khánh Vân        | x  |         |
| 39  | 6/7 | 7/6    | Hoàng Vũ Phương Vy          | x  |         |
| 40  | 6/7 | 7/6    | Bùi Thị Hải Yến             | x  |         |

Tân Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRẦN VĂN QUANG**  
QUẬN TÂN BÌNH

**Lưu Thị Kim Thúy**

**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.7**  
**NĂM HỌC 2023-2024**

| STT | Lớp 6 | Lớp 7 | Họ tên                 | Nữ | Ghi chú |
|-----|-------|-------|------------------------|----|---------|
| 1   | 6/8   | 7/7   | Lê Thùy Vân Anh        | x  |         |
| 2   | 6/8   | 7/7   | Nguyễn Ngọc Minh Anh   | x  |         |
| 3   | 6/8   | 7/7   | Ngô Thiên Ân           |    |         |
| 4   | 6/8   | 7/7   | Nguyễn Thiên Bảo       |    |         |
| 5   | 6/8   | 7/7   | Trần Diệp Bảo Châu     | x  |         |
| 6   | 6/8   | 7/7   | Nguyễn Kỳ Duyên        | x  |         |
| 7   | 6/8   | 7/7   | Ngô Hoàng Minh Đăng    |    |         |
| 8   | 6/8   | 7/7   | Đào Vũ Hồng Hân        | x  |         |
| 9   | 6/8   | 7/7   | Đào Kim Hồng           | x  |         |
| 10  | 6/8   | 7/7   | Lương Phú Khang        |    |         |
| 11  | 6/8   | 7/7   | Lê Nguyễn Gia Khanh    | x  |         |
| 12  | 6/8   | 7/7   | Lê Nguyễn Gia Khánh    | x  |         |
| 13  | 6/8   | 7/7   | Trần Hữu Khôi          |    |         |
| 14  | 6/8   | 7/7   | Trần Nhật Khương       |    |         |
| 15  | 6/8   | 7/7   | Đoàn Vũ Thảo Lan       | x  |         |
| 16  | 6/8   | 7/7   | Phạm Nguyễn Hoàng Lâm  |    |         |
| 17  | 6/8   | 7/7   | Bùi Đỗ Hoàng Long      |    |         |
| 18  | 6/8   | 7/7   | Trần Nguyễn Hoàng Long |    |         |
| 19  | 6/8   | 7/7   | Phan Công Thiện Nghĩa  |    |         |
| 20  | 6/8   | 7/7   | Nguyễn Trần Bảo Ngọc   | x  |         |
| 21  | 6/8   | 7/7   | Thâu Hoàng Viễn Ngọc   | x  |         |
| 22  | 6/8   | 7/7   | Hoàng Đông Nhi         | x  |         |
| 23  | 6/8   | 7/7   | Đặng Hoàng Minh Phát   |    |         |
| 24  | 6/8   | 7/7   | Đinh Gia Phát          |    |         |
| 25  | 6/8   | 7/7   | Huỳnh Đại Phát         |    |         |
| 26  | 6/8   | 7/7   | Nguyễn Thanh Thảo      | x  |         |
| 27  | 6/8   | 7/7   | Hồ Huỳnh Nhã Thi       | x  |         |
| 28  | 6/8   | 7/7   | Hồ Nguyễn Phước Thịnh  |    |         |
| 29  | 6/8   | 7/7   | Châu Phương Thuý       | x  |         |
| 30  | 6/8   | 7/7   | Lê Thị Bảo Trân        | x  |         |
| 31  | 6/8   | 7/7   | Phạm Hoàng Bảo Vân     | x  |         |
| 32  | 6/8   | 7/7   | Võ Lâm Nhựt Vinh       |    |         |

Tân Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lưu Thị Kim Thúy**